

PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/QĐ-LHP

Uông Bí, ngày 5 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

Căn cứ Hướng dẫn số 899/HD - PGD&ĐT ngày 8/9/2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo về Hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022 – 2023.

Theo đề nghị của ban giám hiệu trường TH Lê Hồng Phong.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023 của trường TH Lê Hồng Phong gồm các ông, bà có tên sau đây :

- | | | |
|----------------------------|--------------------------|------------------|
| - Bà Hoàng Thị Huệ | - Hiệu trưởng nhà trường | - Trưởng ban |
| - Bà Trịnh Thị Tuyết Nhung | - CT Công Đoàn - PHT | - Phó trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Hương | - Tổ trưởng khối 1,2 | - Ủy viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hà | - Tổ trưởng khối 3,4,5 | - Ủy viên |
| - Bà Đặng Thị Huyền | - TTVP - Kế toán: | - Ủy viên |

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của trường TH Lê Hồng Phong có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học 2022-2023, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của nhà trường .

Điều 3. Các ông, bà có tên trên căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như điều 1
- Lưu BCĐ

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Huệ

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy chế công khai năm học 2022-2023

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thực hiện Hướng dẫn số 580/PGD&ĐT ngày 18/5/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Uông Bí về việc hướng dẫn triển khai thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Tiểu học Lê Hồng Phong xây dựng kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2022-2023 như sau:

I - Mục đích yêu cầu:

1. Mục đích: Thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu: Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

II - Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai:

- Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai gồm 05 đ/c :

- + Đ/c Hiệu trưởng: Trưởng ban;
- + Đ/c CTCD : Phó ban;
- + Các đ/c tổ khối trưởng: Ủy viên (2 đ/c);
- + Đồng chí Kế toán: Ủy viên.

- Ban chỉ đạo căn cứ vào Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của để lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế.

- Trách nhiệm:

- Trưởng ban chỉ đạo phụ trách chung
- Phó ban chỉ đạo phụ trách nội dung 1;
- Các thành viên phụ trách nội dung 2,3.

III - Kế hoạch thực hiện các nội dung công khai:

1- Các nội dung công khai:

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, các hoạt động hỗ trợ học tập,



sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, kết quả đánh giá về năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05 của quy chế).

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh học 2 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng mặt năng lực phẩm chất. Kết quả học tập, tổng hợp kết quả cuối năm (Thực hiện theo Biểu mẫu 06).

c) Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn Quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với qui định, tính bình quân trên một lớp (thực hiện theo Biểu mẫu 07).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:
Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (thực hiện theo Biểu mẫu 08).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo, (Biểu 08)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tài chính theo các văn bản qui định hiện hành về qui chế công khai tài chính đối với ngân sách nhà nước cấp, dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước cấp. Thực hiện niêm yết công khai theo qui định tại thông tư 61/2017/TT_BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính.

b) Các khoản chi trong năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 61/2017/TT_BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính.

2- Về hình thức và thời điểm công khai

- Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Niêm yết công khai nơi thuận tiện để xem, thời điểm công khai là tháng 9 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan, Thời gian công khai ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

- Đối với mức thu học phí và các khoản thu khác ngoài việc công khai như trên còn phải thực hiện công khai như sau: Phổ biến trong cuộc họp trong các cuộc họp của cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cuộc họp cha mẹ học sinh - Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với nội dung “Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2021-2022 và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo” phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và ghi vào biên bản.

IV - Tổ chức thực hiện:

- Đ/c Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm 2021- 2022 và kế hoạch triển khai của năm học 2022-2023.

- Đ/c Chủ tịch công đoàn: chủ trì, chịu trách nhiệm về nội dung 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; (biểu 05,06)

- Đ/c Tổ trưởng chuyên môn tổ 1,2 và tổ khối 3,4,5 chịu trách nhiệm nội dung 2: Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. (Biểu 07,08), chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo hiệu trưởng.

- Đ/c Kế toán chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính. Chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo đ/c Hiệu trưởng.

Yêu cầu các đ/c trong ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ giáo viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để B/c);
- Lưu;

TM. Nhà trường
Hiệu trưởng

Hoàng Thị Huệ

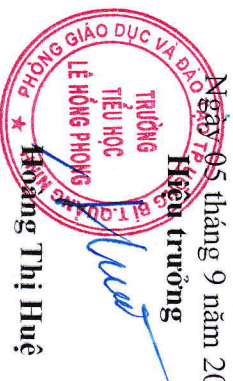
PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học: 2022- 2023

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ThS	DH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình
I	Tổng số giáo viên, CBQL, nhân viên	30		25	5				23	7	14	14	
	Giáo viên	26		22	4				21	5	12	14	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt	19		16	3				13	3	8	11	
1	Tiếng dân tộc												
2	Ngoại ngữ	2		2					1	1	2	0	
3	Tin học												
4	Âm nhạc	2		1	1				2	0	1	1	
5	Mỹ thuật	2		2					1	1	1	1	
6	Thể dục	1		1					1		0	1	
II	Cán bộ quản lý	2		2						2	2		
1	Hiệu trưởng	1		1						1	1		
2	Hiệu phó	1		2						1	1		
II	Nhân viên	2		1									
1	Nhân viên văn thư												
2	Nhân viên kế toán	1		1									
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên Y tế	1			1								
5	Nhân viên Thư Viện												
6	Nhân viên thiết bị - Thí nghiệm												
7	Nhân viên công nghệ thông tin												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												

Ngày 05 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Hoàng Thị Huệ



PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TH LÊ HỒNG PHONG

HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất - năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	17/17	Số m²/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	4,0
2	Phòng học tạm	0	0
3	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8633m ²	17,6
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2792,7m ²	13
VI	Tổng diện tích các phòng	1600m ²	3,3
1	Diện tích phòng học (m ²)	79 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	79,5	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng) (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật(m ²)	50m ²	
5	Diện tích phòng Ngoại ngữ (m2)	50 m ²	
6	Diện tích phòng tin học (m2)	50m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)	50 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)	20	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)	20 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính : bộ)		Số bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định		
1.1	Khối lớp 1	3	3/3
1.2	Khối lớp 2	0	4/4
1.3	Khối lớp 3	0	3/3
1.4	Khối lớp 4	4	3/3
1.5	Khối lớp 5	3	4/4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu có theo qui định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2	4	
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính : bộ)	1	
I X	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	02	

2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/ vật thể	1	
5	Thiết bị khác		
6	Máy vi tính	6	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	9	300	2
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho học sinh		Số m ² / học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	X		X		0,18m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

(* Theo thông tư số 41/2010/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu, điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh.

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới phát điện riêng).	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XI X	Tường rào xây	X	

Ngày 5 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Huệ



PHÒNG GD&ĐT UÔNG BÍ
TRƯỜNG TIỂU HỌC
LÊ HỒNG PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2022-2023

STT	NỘI DUNG	CHIA THEO KHỐI LỚP				
		LỚP 1	LỚP 2	LỚP 3	LỚP 4	LỚP 5
1	Điều kiện tuyển sinh	- Trẻ có giấy khai sinh đủ 6 tuổi khớp với hộ khẩu gia đình - Có giấy chứng nhận Hoàn thành chương trình mẫu giáo 5 tuổi. - Có đại diện gia đình trực tiếp đến để tuyển sinh	- Trong trường: (chuyên lớp): Hoàn thành chương trình lớp 1, được xác nhận trong học bạ là được lên lớp 2 - Ngoài trường: Có giấy giới thiệu chuyển trường, đơn, giấy khai sinh và học bạ đủ điều kiện như học sinh trong trường.	- Trong trường: (chuyên lớp): Hoàn thành chương trình lớp 2, được xác nhận trong học bạ là được lên lớp 3 - Ngoài trường: Có giấy giới thiệu chuyển trường, đơn, giấy khai sinh và học bạ đủ điều kiện như học sinh trong trường	- Trong trường: (chuyên lớp): Hoàn thành chương trình lớp 3, được xác nhận trong học bạ là được lên lớp 4 - Ngoài trường: Có giấy giới thiệu chuyển trường, đơn, giấy khai sinh và học bạ đủ điều kiện như học sinh trong trường.	- Trong trường: (chuyên lớp): Hoàn thành chương trình lớp 4, được xác nhận trong học bạ là được lên lớp 5 - Ngoài trường: Có giấy giới thiệu chuyển trường, đơn, giấy khai sinh và học bạ đủ điều kiện như học sinh trong trường.
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Thực hiện nội dung chương trình lớp 1 theo chương trình giáo dục PTM 2018. Thực hiện nội dung chương trình học 2b/ ngày theo chỉ đạo của BGD&ĐT	- Thực hiện nội dung chương trình lớp 2 theo SGK và yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của Bộ GD&ĐT, thực hiện nội dung chương trình học 2b/ngày theo chỉ đạo của Bộ	- Thực hiện nội dung chương trình lớp 3 theo SGK và yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của Bộ GD&ĐT, thực hiện nội dung, chương trình học 2b/ngày theo chỉ đạo của Bộ.	- Thực hiện nội dung chương trình lớp 4 theo SGK và yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của Bộ GD&ĐT, thực hiện nội dung, chương trình học 2b/ngày theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT	- Thực hiện nội dung chương trình lớp 5 theo SGK và yêu cầu về chuẩn kiến thức và kỹ năng của Bộ GD&ĐT, thực hiện nội dung chương trình học 2b/ngày theo chỉ đạo của Bộ GD&ĐT
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình	- Nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập, giáo dục, tư vấn cho phụ huynh(qua sổ Liên lạc- điện thoại, gặp gỡ trao đổi...) - Phụ huynh phải đảm bảo việc đưa đón an toàn tuyệt đối	- Nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập, giáo dục, tư vấn cho phụ huynh(qua sổ liên lạc, điện thoại, gặp gỡ, trao đổi...) - Phụ huynh phải đảm bảo việc đưa đón an toàn tuyệt đối	- Nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập, giáo dục, tư vấn cho phụ huynh(qua sổ liên lạc, điện thoại, gặp gỡ, trao đổi...) - Học sinh ở xa phụ huynh có trách nhiệm đưa đón an toàn	- Nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập, giáo dục, tư vấn cho phụ huynh(qua sổ liên lạc, điện thoại, gặp gỡ, trao đổi...) - Học sinh ở xa phụ huynh có trách nhiệm đưa đón an toàn	- Nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập, giáo dục, tư vấn cho phụ huynh(qua sổ liên lạc, điện thoại, gặp gỡ, trao đổi...) - Học sinh ở xa phụ huynh có trách nhiệm đưa đón an toàn

	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	cho hs - Học sinh chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	cho hs - Học sinh chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	- Học sinh chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	- Học sinh chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	đón an toàn - Học sinh chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL. văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí - Có nước uống hợp VS, khám sức khoẻ định kỳ cho hs	- Các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL. văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí - Có nước uống hợp VS, khám sức khoẻ định kỳ cho hs	- Các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL. văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí - Có nước uống hợp VS, khám sức khoẻ định kỳ cho hs	- Các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL. văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí - Có nước uống hợp VS, khám sức khoẻ định kỳ cho hs	- Các hoạt động ngoại khoá, hoạt động NGLL. văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí - Có nước uống hợp VS, khám sức khoẻ định kỳ cho hs
5	Kết quả đạo đức, học tập, sức khoẻ của học sinh dự kiến đạt được	- Phẩm chất: Mức Đạt trở lên: 100% - Năng lực: Mức Đạt trở lên 100% - Đánh giá thường xuyên: Mức Hoàn thành trở lên: 99,5% - KTĐK cuối HK1: Trên điểm 5: 99% - KTĐK cuối năm: Trên điểm 5: 99,5% - Khen thưởng: 60%- 65%	- Phẩm chất: Mức Đạt trở lên: 100% - Năng lực: Mức Đạt trở lên 100% - Đánh giá thường xuyên: Mức Hoàn thành trở lên: 100 % - KTĐK cuối KH1: Trên điểm 5: 100% - KTĐK Cuối năm: Trên điểm 5: 100% - Khen thưởng: 60% - 65%	- Phẩm chất: Mức Đạt trở lên: 100% - Năng lực: Mức Đạt trở lên 100% - Đánh giá thường xuyên: Mức Hoàn thành trở lên: 100% - KTĐK giữa năm: Trên điểm 5: 100% - KTĐK cuối năm: Trên điểm 5: 100% - Khen thưởng: 60% - 65%	- Phẩm chất: Mức Đạt trở lên: 100% - Năng lực: Mức Đạt trở lên 100% - Đánh giá thường xuyên: Mức Hoàn thành trở lên: 100 % - KTĐK giữa năm: Trên điểm 5: 100% - KTĐK cuối năm: Trên điểm 5: 100% - Khen thưởng: 60% - 65%	- Phẩm chất: Mức Đạt trở lên: 100% - Năng lực: Mức Đạt trở lên 100% - Đánh giá thường xuyên: Mức Hoàn thành trở lên: 100% - KTĐK giữa năm: Trên điểm 5: 100% - KTĐK cuối năm: Trên điểm 5: 100% - Khen thưởng: 60% - 65%
6	K.năng học tập tiếp tục của HS	Lên lớp thẳng 80/82 đạt 98 %	Lên lớp thẳng 115/115 đạt 100%	Lên lớp thẳng 107/107 đạt 100 %	Lên lớp thẳng 97/97 đạt 100 %	Hoàn thành CTTH 124/124 đạt 100 %

Uông Bí, ngày 5 tháng 9 năm 2022

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Thị Huệ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế - Năm học 2021- 2022

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	548	113	109	97	123	106
II	Số học sinh học 2 buổi	548	113	109	97	123	106
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	548	113	109	97	123	106
	Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	163 52%	33 29.2%	31 28.4%	28 28.9%	36 29.3%	35 33%
	Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)	385 77%	80 70.8%	78 71.6%	69 71.1%	87 71.7%	71 67%
	Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18%	1 0.9%				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	548	113	109	97	123	106
1	Hoàn thành tốt (Tỷ lệ so với tổng số)	163 52%	33 29.2%	31 28.4%	28 28.9%	36 29.3%	35 33%
2	Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	385 77%	80 70.8%	78 71.6%	69 71.1%	87 71.7%	71 67%
3	Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18%	1 0.9%	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	548	113	109	97	123	106
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	547 99%	113 97%	109 100%	97 100%	123 100%	106 100%
a	Trong đó HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	256 48%	55 48.7 %	47 43%	46 47.2%	58 48%	50 47.2 %
b	HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)	9 1.6%					
2	Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	1 0.18 %	1 0.9%				

Uông Bí, ngày 5 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
LÊ HỒNG PHONG
Hoàng Thị Huệ